

Bản án số: 275/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thành

2. Ông Nguyễn Đình Đạt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thanh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 737/2019/TLST – HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc tranh chấp ly hôn. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 07/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích Th, sinh năm 1981; HKTT và nơi ở: tổ 26, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh Vũ Tiến T, sinh năm 1981; HKTT: CT 18, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Nơi ở: tổ 26, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Chị Th có mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bích Th trình bày: Tôi và anh Vũ Tiến T kết hôn ngày 28/01/2008 tại UBND phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình trên tinh thần tự nguyện kết hôn, tự do tìm hiểu không bị ai cưỡng ép bắt buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi bất đồng

quan điểm lối sống cũng như tình cảm. Anh T đam mê cờ bạc, cá cược bóng đá nên dẫn đến nợ nần. Gia đình đã khuyên ngăn anh T nhưng không được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên tôi và anh T đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án cho tôi ly hôn với anh T.

\* Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Trần Bảo L, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Vũ Trần Bảo Kh, sinh ngày 08/9/2013. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo L còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo Kh. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

\* Về tài sản chung, nợ chung, nhà ở: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Tiến T trình bày: Tôi nhất trí với phần trình bày của chị Th về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm lối sống cũng như mặt tình cảm. Nay chị Th có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn tôi, tôi không đồng ý ly hôn.

\* Về con chung: Tôi và chị Th có 02 con chung là cháu Vũ Trần Bảo Linh, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Vũ Trần Bảo Khánh, sinh ngày 08/9/2013. Sau khi ly hôn chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo Linh còn tôi trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần bảo Khánh. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

\* Về tài sản chung, nợ chung, nhà ở: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh T. Về con chung: chị Th xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Nếu không được thì chị nuôi cháu Vũ Trần Bảo L còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo Kh. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu chị được nuôi cả hai con chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh T: Không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết

định xét xử. Sau khi có quyết định xét xử, anh T hai lần vắng mặt tại phiên tòa như vậy là chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Bích Th. Đề nghị xử cho chị Th được ly hôn với anh Vũ Tiến T, Về con chung: Đề nghị giao cháu L cho chị Th; giao cháu Kh cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bên nào. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết do vậy đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:** Chị Th có đơn xin ly hôn anh T gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên. Công an phường Đức Giang xác nhận anh T đang sinh sống tại phường Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Bích Th xây dựng gia đình với anh Vũ Tiến T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2008 tại UBND phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm lối sống cũng như tình cảm. Theo chị Th trình bày anh T đam mê cờ bạc, cá cược bóng đá nên dẫn đến nợ nần. Năm 2018 chị Th có đơn ly hôn với anh T nhưng sau đó thương con lại rút đơn về. Nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện và chị tiếp tục lại có đơn ly hôn. Quá trình giải quyết đơn ly hôn anh T có đánh chị Th, chị Th có trình báo tại Công an phường Đức Giang về việc anh T đánh chị Th. Xét thấy chị Th xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, anh T không có biện pháp hàn gắn những mâu thuẫn, còn đánh chị Th, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được và đây cũng là căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Trần Bảo L, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Vũ Trần Bảo Kh, sinh ngày 08/9/2013. Tại phiên tòa chị Th xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là của cả cha và mẹ. Tại các phiên

hòa giải anh chị thống nhất thỏa thuận chị Th nuôi cháu Vũ Trần Bảo L còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo Kh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T lại không có mặt tại phiên tòa. Cháu Linh có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Kh chưa đủ 7 tuổi nên không có nguyện vọng. Như vậy sự thỏa thuận về con của hai anh chị tại các buổi làm việc tại Tòa phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận và đó cũng là căn cứ để không chấp nhận đề nghị xin nuôi cả hai con của chị Th tại phiên tòa.

\* Về tài sản chung, nợ chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bích Th sinh năm 1981.

Chị Trần Thị Bích Th sinh năm 1981 được ly hôn với anh Vũ Tiến T sinh năm 1981

**Về con chung:** Xác định chị Th và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Trần Bảo L, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Vũ Trần Bảo Kh, sinh ngày 08/9/2013. Giao cháu Vũ Trần Bảo L cho chị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Trần Bảo Kh cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

**Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Trần Thị Bích Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 28 tháng 11 năm 2019 theo LB số AA/2018/0015717, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th vắng mặt anh T. Cshị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

***Nơi gửi:***

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường Vân Giang,  
Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

**Hoàng Thị Thu Nga**